

目から鱗！これがニッポンの当たり前？

Mở mang tầm mắt! Đó là điều đương nhiên ở Nhật?

最も暑い夏のだ真ん中にある「お盆」ってナニ！？

Mùa hè nóng nhất và lễ “Obon” giữa hè là gì!?

今月は日本文化の代表的な「お盆」についてご紹介します。皆さんはお盆を知っていますか？お盆とは、故人やご先祖様の魂があこの世から帰ってくる期間のことです。その間に故人と過ごした場所や家で死んだ人の霊を供養するのが目的です。毎年8月中旬に行われるこの行事は地域によって様々な風習が存在し、全国各地で異なるお盆の風景を楽しむことができます。

Tháng này, chúng tôi sẽ giới thiệu về lễ hội “Obon”, một đại diện tiêu biểu của văn hóa Nhật Bản. Các bạn có biết về Obon không? Obon là khoảng thời gian linh hồn của người đã khuất và tổ tiên trở về từ thế giới bên kia. Mục đích là để tưởng nhớ và cúng dường linh hồn của người đã khuất tại những nơi hoặc nhà mà họ đã từng sống. Lễ hội này được diễn ra vào giữa tháng 8 hàng năm, với các phong tục khác nhau tùy theo vùng, bạn có thể tận hưởng nhiều cảnh quan Obon khác nhau trên khắp cả nước.

「お盆とは」 Obon là gì?

お盆の起源と成り立ち

Nguồn gốc và hình thành của Obon

仏教における「盂蘭盆会(うらぼんえ)」を縮めて「お盆」と呼ばれるようになりました。

語源はサンスクリット語で「ウランバーナ」という意味です。これは亡き母を救うというお釈迦様の弟子の話に由来しているようです。

日本由来の風習と仏教の教えが融合し、家族や一族が集まり、ご先祖や故人を供養する行事として今の「お盆」となりました。

“Obon” là sự viết tắt của “Urabone- Vu Lan Bồn” trong Phật giáo. Nguồn gốc từ tiếng Phạn có nghĩa là “Ullambana”. Đây là câu chuyện về đệ tử của đức Phật cứu mẹ đã khuất.

Các phong tục của Nhật Bản kết hợp với giáo lý Phật giáo đã tạo nên lễ Obon ngày nay, là dịp để gia đình và dòng tộc tụ họp, tưởng nhớ và cúng dường cho tổ tiên và người đã khuất.

お盆の期間

Thời gian của Obon

お盆は地域によって変わるところもありますが、全国的には8月13日から16日に行われます。日本人は実家に帰り、この期間中に様々な行事が行われます。

Thời gian của Obon thay đổi tùy theo vùng, nhưng trên toàn quốc, Obon diễn ra từ ngày 13 đến ngày 16 tháng 8. Người Nhật trở về quê nhà và tổ chức nhiều sự kiện khác nhau trong thời gian này.

お盆の前日まで

Trước ngày Obon

お盆に入る前の期間は準備や飾りつけを行います。お盆用に提灯の準備や、キュウリやナスを使って牛馬を作ります。

Trước khi vào lễ Obon, người ta chuẩn bị và trang trí. Họ chuẩn bị đèn lồng cho Obon và làm các con trâu, ngựa bằng dưa leo và cà tím.

13日 迎え盆

Ngày 13: Lễ Mukaeobon

迎え火:家の前で小さな焚き火を焚き、先祖の霊を迎え入れる準備をします。迎え火は、家族が先祖の霊を家に招き入れるための目印とされます。

Đốt lửa đón: Đốt lửa nhỏ trước nhà để chuẩn bị đón linh hồn tổ tiên. Lửa đón được coi là dấu hiệu để gia đình mời linh hồn tổ tiên vào nhà.

14日・15日 お中日

Ngày 14, ngày 15: Ochyu-nichi

故人を偲んで家族や一族で会食を行います。その間は宗教や宗派に関係なく親しい人とともに過ごします。またお寺や自宅で住職に読経をしてもらいます。

Gia đình và dòng tộc tổ chức ăn uống để tưởng nhớ người đã khuất. Trong thời gian này, mọi người dành thời gian cho người thân yêu mà không phân biệt tôn giáo hay giáo phái. Họ cũng mời các thầy tu đến tụng kinh tại chùa hoặc nhà riêng.

16日 送り盆 Ngày 16: Okuribon

送り火を焚いて迎え火と同様にご自宅の玄関先や庭先、お墓などの場所でご先祖様の霊をお見送りします。

Đốt lửa trước cổng nhà, sân hoặc tại mộ để tiễn linh hồn tổ tiên về thế giới bên kia, giống như lửa đón.

有名なお盆の行事 Những sự kiện Obon nổi tiếng

お盆の風習は地域ごとに異なり、それぞれの過ごし方や行事があります。

Phong tục Obon khác nhau tùy theo vùng, và mỗi vùng có mỗi cách tổ chức và sự kiện riêng.

京都の大文字焼き

Lễ Daimonji yaki (đốt chữ Đại) ở Kyoto

毎年8月16日に行われるこの行事は五つの山で大きな火を焚き、先祖の霊を送ります。

送り火を灯して霊を導くことで、霊が迷わずにあの世へ帰ると信じられています。高さ約160メートル、幅80メートルに「大」の字が燃え上がる様子は圧巻です。

Lễ này diễn ra vào ngày 16 tháng 8 hàng năm, đốt lửa lớn trên 5 ngọn núi để tiễn linh hồn tổ tiên. Việc đốt lửa tiễn linh hồn được tin rằng linh hồn sẽ không lạc đường trở về thế giới bên kia. Chữ “Đại” với chiều cao khoảng 160m, và rộng 80m bùng cháy rực rỡ là một cảnh tượng ấn tượng.

長崎の精霊流し

Lễ hội Sho-ro- Nagashi ở Nagasaki

8月15日に行われる伝統的な行事で、先祖の霊を送り出すための重要な儀式です。この祭りは、長崎独自の風習と色鮮やかな灯籠が特徴で、多くの観光客を魅了します。先祖の霊を送り出すために、故人の好きだったものや供え物を乗せた船を作ります。この船は色とりどりの提灯や装飾で飾られます。そして作った船を川や海に流し、賑やかな音とともに送り出します。

長崎県の精霊流しは、先祖の霊を送り出すための深い意味を持つ行事です。歴史と文化が融合したこの祭りは長崎の夏を象徴する重要なイベントであり、訪れる人々に感動と癒しを与えています。

Lễ truyền thống này diễn ra vào ngày 15 tháng 8, là một nghi lễ quan trọng để tiễn linh hồn tổ tiên. Lễ hội này nổi bật với những đèn lồng đầy màu sắc và phong tục độc đáo của Nagasaki, thu hút nhiều du khách. Người ta làm thuyền chứa những vật mà người đã khuất yêu thích và cúng dường, trang trí bằng đèn lồng và các vật trang trí. Thuyền này được thả xuống sông hoặc biển cùng với âm thanh náo nhiệt.

Lễ hội Sho-ro- Nagashi của Nagasaki mang ý nghĩa sâu sắc về việc tiễn linh hồn tổ tiên. Kết hợp giữa lịch sử và văn hóa, và là một sự kiện quan trọng của mùa hè Nagasaki mang đến cảm xúc và sự an ủi cho người tham dự.

現代のライフスタイルに合わせて、お盆の過ごし方も変化しています。忙しい生活の中で、お盆の行事を簡略化する家庭も増えてきました。また、オンラインで親戚と連絡を取り合い、ビデオ通話を通じてお盆を過ごすという新しい形も見られます。皆さんもこれを機に先祖への感謝の気持ちを振り返り、改めて日本での生活や仕事への気持ちを見直す機会にしてみてください。

今の自分があるのは少なからず家族や先祖のおかげですので、そのような気持ちを思い出し、日本での生活を前向きに楽しんでください。

Để phù hợp với lối sống hiện đại, cách thức tổ chức lễ Obon cũng đang thay đổi. Ngày càng nhiều gia đình đã đơn giản hóa các hoạt động Obon do cuộc sống bận rộn. Ngoài ra, việc liên lạc với họ hàng qua video trực tuyến để tổ chức Obon cũng là một hình thức mới.

Nhân dịp này, các bạn hãy nhìn lại lòng biết ơn đối với tổ tiên và suy nghĩ lại về cuộc sống và công việc của mình ở Nhật Bản. Chính nhờ gia đình và tổ tiên mà chúng ta có cuộc sống hiện tại, hãy nhớ về điều đó và tận hưởng cuộc sống ở Nhật Bản một cách tích cực nhé.

未来へつなげる大切なヒント

Những gợi ý quan trọng để kết nối tương lai

自転車の交通ルールを理解しよう

Hiểu về luật giao thông khi đi xe đạp

皆さんは、交通ルールを理解して守っていますか？

Các bạn có hiểu và tuân thủ luật giao thông không?

道路は、多くの人や車が行き来するところです。道路を運転手や歩行者が一人でも自分勝手に動くと色々な人に迷惑を掛けたり通行が混乱して交通事故が起きたりします。

Đường phố là nơi có nhiều người và xe qua lại. Nếu chỉ cần một người lái xe hoặc một người đi bộ hành động tùy tiện, sẽ gây phiền toái cho nhiều người khác, gây hỗn loạn giao thông và tai nạn giao thông.

交通ルール(規則)は、このようなことから、みんなが道路を安全、円滑に通行する上で守るべき共通の約束事として決められているものです。言い換えれば、交通ルールを守ることは、社会人としての基本的なマナーで義務です。

Luật giao thông (quy tắc) được đặt ra nhằm đảm bảo mọi người đều có thể lưu thông an toàn và trôi chảy trên đường. Nói cách khác, tuân thủ luật giao thông là một nghĩa vụ và phép lịch sự cơ bản của công dân.

特に近年、自転車による事故が多く発生していて、とても問題になっています。

自転車の交通ルールを知らず理解していない為に守られていないことで事故となっている様です。

Đặc biệt trong những năm gần đây, số vụ tai nạn do xe đạp gây ra đang gia tăng và trở thành vấn đề nghiêm trọng.

Nguyên nhân của các vụ tai nạn này là do người đi xe đạp không biết và không hiểu luật giao thông dành cho xe đạp.

自転車の交通ルールには、次のものがあります。

Các quy tắc giao thông dành cho xe đạp bao gồm:

交差点では一時停止を守り、安全確認をする

Dừng lại tại giao lộ và xác nhận an toàn

夜間はライトを点灯する Bật đèn vào ban đêm

飲酒運転は禁止 Cấm lái xe khi đã uống bia rượu

ヘルメット(努力義務)を着用する

Đội mũ bảo hiểm (khuyến khích)

信号を守る

Tuân thủ tín hiệu đèn giao thông

自転車横断帯がある場合は、その横断帯を通行する

Đi trên vạch kẻ dành cho xe đạp khi có

二人(複数)乗り禁止

Cấm chở hai người (nhiều người)

携帯電話やイヤホン使用運転は、禁止

Cấm sử dụng điện thoại và tai nghe khi lái xe

雨の日の傘さし運転(片手運転)の禁止

Cấm lái xe (lái một tay) khi che ô trong ngày mưa

二段階右折 Rẽ phải hai giai đoạn

信号機のある交差点を右折する場合は、青信号で交差点の反対側まで直進し、その地点で止まって右に向きを変え、前方の信号が青になってから進むようにします。小回り右折はしてはいけません。

Khi rẽ phải tại giao lộ có đèn tín hiệu, hãy đi thẳng đến phía đối diện khi đèn xanh, dừng lại và quay sang phải, rồi đi tiếp khi đèn tín hiệu phía trước chuyển xanh. Không được rẽ phải khi có biển báo rẽ phải 2 giai đoạn.

自転車が歩道を通行できるのは下記のとおりです。下記の場合は、歩道を通行することが認められます。

Xe đạp có thể đi trên vỉa hè trong các trường hợp sau:

歩道に「自転車通行可」の標識があるとき

Có biển báo “cho phép xe đạp thông hành” trên vỉa hè

13 歳未満の子ども、70 歳以上の高齢者や身体の不自由な人が自転車を運転しているとき

Trẻ em dưới 13 tuổi, người cao tuổi trên 70 tuổi hoặc người khuyết tật

道路工事や連続した駐車車両で左側通行が困難な場合や、車の交通量が多いなど車との接触事故の危険がある場合

Khi việc đi bên trái đường khó khăn do công trình đường hoặc xe đậu liên tục, hoặc khi lượng xe cộ nhiều và nguy cơ va chạm với xe cao

最後におさらい Tóm tắt cuối cùng

日本は、道路の幅が狭く交通量の多いところが、たくさんあります。

特に市街地は、人も多く危険です。だからこそ、自動車やバイク、自転車のドライバーは、交通ルールを厳守しないと大きな事故に繋がります。また、歩行者も交通ルールを守って初めて安全が確保されます。

どんなに急いでも「急がば回れ」の精神で交通ルールを守り安全な生活を送りましょう。

Nhật Bản có nhiều nơi đường hẹp và lượng giao thông lớn. Đặc biệt ở khu vực đô thị, có nhiều người nên rất nguy hiểm. Do đó, người lái xe ô tô, xe máy và xe đạp

cần tuân thủ nghiêm ngặt luật giao thông để tránh tai nạn lớn. Ngoài ra, người đi bộ cũng cần tuân thủ luật giao thông để đảm bảo an toàn.

Dù có vội vã đến đâu, hãy tuân thủ luật giao thông với tinh thần “dục tốc bất đạt” để có một cuộc sống an toàn.

※自転車は、車道が原則、左側を通行。歩道は例外、歩行者を優先で自転車は「軽車両」で車の仲間です。そのため、歩道と車道の区別のあるところは車道通行が原則となるので、車道の左側を走るようにしましょう。

Về nguyên tắc xe đạp đi bên trái trên đường của xe. Vĩa hè là ngoại lệ, ưu tiên người đi bộ. Xe đạp là “phương tiện nhẹ”, thuộc nhóm xe cộ. Do đó, ở những nơi có sự phân biệt giữa vỉa hè và đường của xe, nguyên tắc là đi trên đường dành cho xe, và đi bên trái.

※今後、自転車も交通違反を犯した場合、反則金の支払いが発生する事が交通ルール改正で決まる状況です。

Trong tương lai, nếu vi phạm giao thông khi đi xe đạp, có thể sẽ bị phạt tiền theo quy định mới về luật giao thông.

参考文献: 警察庁ホームページ Tài liệu tham khảo: Trang web của Cục Cảnh sát

何よりも安全最優先

Hơn bất cứ điều gì AN TOÀN ưu tiên hàng đầu!

自然災害が起きたらどうする？

Phải làm gì khi thiên tai xảy ra?

～ 台風や地震が発生した時の行動とは ～

Những hành động khi xảy ra bão và động đất

日本は自然災害が多い国です。特に台風や地震は頻繁に発生しますので、実習生の皆さんも十分注意してください。今月は、台風や地震発生時にどう行動すれば良いか考えてみましょう。

Nhật Bản là đất nước có nhiều thiên tai. Đặc biệt là bão và động đất xảy ra thường xuyên, vì vậy các bạn thực tập sinh hãy thật cẩn thận. Tháng này chúng ta sẽ cùng suy nghĩ về những hành động nên làm khi có bão và động đất xảy ra.

1. 台風が接近したら Khi bão đến gần

台風は強い風と大雨を伴います。以下の点に注意してください。

Bão thường đi kèm với mưa lớn. Hãy chú ý đến các điểm sau đây.

①最新情報を確認する

テレビやインターネットで最新の気象情報を確認しましょう。避難勧告や避難指示が出た場合は、すぐに行動を起こします。

①Xác nhận thông tin mới nhất

Hãy xác nhận thông tin thời tiết mới nhất qua ti vi hoặc Internet. Khi có khuyến cáo sơ tán hoặc chỉ thị lánh nạn, hãy hành động ngay lập tức.

②海や川へ近づかない

台風や大雨時に海や川の様子を見に行き、波や急な川の流にさらわれる人がいます。絶対に海や川へ近づいてはけません。

② Không đến gần biển hoặc sông:

Khi xảy ra bão hoặc mưa lớn, có những người bị cuốn trôi bởi sóng hoặc dòng chảy đột ngột khi đi xem tình hình biển hoặc sông. Tuyệt đối không đến gần biển hoặc sông.

③ 家の周りの安全確認

飛ばされそうな物は片付けたり固定したりしましょう。雨戸やシャッターを閉め、窓ガラスの破損を予防してください。

③ Xác nhận an toàn quanh nhà

Hãy dọn dẹp hoặc cố định những vật có thể bị gió thổi bay. Đóng cửa sắt cuốn (nếu có) và cửa lưới để phòng ngừa việc kính cửa sổ bị vỡ.

④ 避難場所の確認

避難場所を事前に確認し、避難計画を立てておいてください。また、必要最低限の荷物(飲み物、食料、薬、懐中電灯など)を準備しておくことも大切です。

④ Xác nhận nơi sơ tán

Hãy xác nhận nơi sơ tán trước và lập kế hoạch sơ tán. Ngoài ra, việc chuẩn bị các đồ dùng cần thiết tối thiểu (nước uống, thực phẩm, thuốc, đèn pin v.v.) cũng rất quan trọng.

2. 地震が発生したら Khi động đất xảy ra

地震は予測が難しく突然発生します。以下の点に注意してください。

Động đất rất khó dự đoán và xảy ra bất ngờ. Hãy chú ý đến các điểm sau.

① 安全を確保する

地震が発生したら、まず、自分の安全を確保してください。物が落ちてきたり倒れてきたりしない安全な場所で、揺れが収まるまで動かないでください。

① Đảm bảo an toàn

Khi động đất xảy ra, trước tiên hãy đảm bảo an toàn cho bản thân. Ở nơi an toàn không có vật gì có thể rơi hoặc đổ xuống, và không di chuyển cho đến khi rung lắc ngừng lại.

②火を消す

地震後は火災の危険性が高まります。地震が発生した時にガス器具などを使用していた場合は、すぐに火を消してください。

②Dập tắt lửa

Sau động đất, nguy cơ xảy ra hỏa hoạn tăng cao. Nếu bạn đang sử dụng các thiết bị gas khi động đất xảy ra, hãy dập tắt lửa ngay lập tức.

③避難経路の確保

地震によって建物の出口がふさがれる場合があります。窓や非常口など、避難経路を確認しておきましょう。閉じ込められる可能性があるため、エレベーターは使わないでください。

③Đảm bảo lối thoát hiểm

Động đất có thể khiến lối ra của tòa nhà bị chặn. Hãy xác nhận lối thoát hiểm như cửa sổ hoặc cửa thoát hiểm khẩn cấp. Không sử dụng thang máy vì có thể bị kẹt bên trong.

3. 災害に備える 準備をしておくこと

会社の方々と災害時の対応について話し合っておきましょう。避難場所や緊急連絡先、災害時の行動について確認しておいてください。

また、災害が発生したらすぐに指導員に状況を連絡し、対応を相談してください。

Hãy trao đổi với các đồng nghiệp ở công ty về cách ứng phó khi xảy ra thiên tai. Hãy xác nhận nơi sơ tán, số liên lạc khẩn cấp và hành động cần thiết khi xảy ra thiên tai.

Ngoài ra, khi thiên tai xảy ra, hãy liên lạc ngay với người hướng dẫn và thảo luận về cách ứng phó.

災害はいつ起こるかわかりません。日頃から準備をしておくことが大切です。

Thiên tai có thể xảy ra bất cứ lúc nào. Việc chuẩn bị từ trước là rất quan trọng.

実習生の皆さんへ Gửi đến các bạn thực tập sinh

「備えあれば憂いなし！」

Chuẩn bị trước sẽ không lo lắng!

前もってしっかり準備をしておけば、後で心配する必要がないという意味

Có nghĩa là, nếu chuẩn bị kỹ càng từ trước, thì sẽ không cần phải lo lắng sau này

日本語学習攻略法

Phương pháp học tiếng Nhật

今月のテーマ

Đề tài tháng này

日本語の「似ている」ことば

Những từ tiếng Nhật “giống nhau”

日本語には意味が似ていて、どう使い分けたら良いか迷う言葉がたくさんあります。

今月はその中でもよく使う言葉を紹介します。

Có rất nhiều từ trong tiếng Nhật có nghĩa tương tự nhau và khiến người học khó mà phân biệt được cách sử dụng chúng.

Tháng này, chúng tôi sẽ giới thiệu một số từ được sử dụng phổ biến nhất.

A:「昨日のピクニックはとてもうれしかったです」

A: “Chuyến dã ngoại ngày hôm qua thực sự rất vui.”

B:「JLPTのN4に合格して、楽しいです」

B: “Tôi đã đậu JLPT N4 và nó rất vui.”

この文章、何かが変なことに気が付く人はいますか？

Có ai nhận thấy điều gì lạ ở câu này không?

「うれしい」と「楽しい」はどちらもポジティブな感情でとてもよく似ていますが、意味や使い方が少し違います。

「うれしい」 và 「楽しい」 đều là những cảm xúc tích cực và rất giống nhau tuy nhiên vẫn có sự khác biệt nhỏ về ý nghĩa và cách sử dụng của chúng.

「うれしい」は「その時」の感情を表します。

何かが起きたその瞬間の喜びの感情です。

「うれしい」 thể hiện cảm xúc “tại thời điểm đó.”

Đó là cảm giác vui mừng khi điều gì đó xảy ra.

「楽しい」はあることに対して「継続的」に続くポジティブな感情に対して使います。

「楽しい」được dùng để đáp lại một điều gì đó, và đây là một cách biểu hiện cảm xúc tích cực một cách “liên tục”.

ピクニックはその瞬間の感情ではないので、Aの文章は「楽しかった」が正解です。

Bの文章はJLPTに合格したその瞬間に感じる感情なので「うれしい」が正解です。

Một chuyến dã ngoại không phải là những cảm xúc nhất thời nên câu trả lời đúng cho câu A là 「楽しかった」.

Câu B nói về cảm xúc mà bạn cảm thấy vào thời điểm bạn đậu kỳ thi JLPT, vì vậy câu trả lời đúng là 「うれしい」.

たくさん会話をして、難しい使い分けも自然にできるようになるといいですね！

Sẽ thật tuyệt nếu bạn có thể trò chuyện nhiều hơn và có phân biệt được cách dùng của những từ vựng này một cách tự nhiên!

先輩が教える Học từ người đi trước

日本語能力試験合格のヒケツ!

Bí quyết để đậu kì thi JLPT !

AYE MAR WIN さん N3 合格 !

私は日本に来日する前に日本語能力試験(JLPT)N3を受験しました。入国後に合格の結果が分かりました。JLPT を取得したいと思ったきっかけは会社の面接で日本人の上司と話す機会があり、自分の日本語力が足りないと感じたからです。

Trước khi đến Nhật Bản, mình đã thi Kỳ thi năng lực tiếng Nhật (JLPT) N3. Sau khi đến Nhật Bản, mình biết được kết quả mình đã đậu kỳ thi. Điều khiến mình muốn đạt được chứng chỉ JLPT là cơ hội được nói chuyện với sếp người Nhật trong cuộc phỏng vấn của công ty. Điều này là do mình cảm thấy trình độ tiếng Nhật của mình chưa đủ.

日本語はひらがな、カタカナ、漢字を勉強しなければならない言語です。それに加えて文法、文字、語彙、聴解ができないと日本人との会話が難しいです。私は JLPT に合格するためにスケジュールを立てました。受験日までの時間を計算して文字、語彙、読解、聴解の勉強をバランスが取れるように時間配分しました。スケジュールを立てることでどの分野の勉強もバランスが取れたと思います。時間が余ったら出来なかった課題に再度チャレンジしたりして不安のない気持ちで受験することができました。

Tiếng Nhật là ngôn ngữ yêu cầu người học phải học chữ hiragana, katakana và Hán tự. Hơn hết, nếu bạn không biết ngữ pháp, chữ viết, từ vựng và nghe hiểu thì sẽ rất khó để nói chuyện với người Nhật. Mình đã lên lịch trình học để thi đậu JLPT. Tính toán thời gian cho đến ngày thi và cân bằng việc học mặt chữ, từ vựng, đọc hiểu và nghe hiểu. Mình nghĩ rằng với việc tạo ra một lịch trình, mình có thể duy trì sự cân bằng trong việc học của mình ở bất kỳ lĩnh vực nào. Nếu bạn có thời gian, bạn có thể thử làm lại những bài tập mà bạn chưa thể hoàn thành và đi thi mà không phải lo lắng gì.

文字、語彙は「日本語総まとめ」という教科書で勉強しました。言葉を覚えたら書く練習もします。N3で勉強している言葉は日本の映画によく使われていると先輩から教えてもらったので、毎週日本のドラマを見たり歌を聞いたりしました。読解は「新完全マスター読解」、「ドリル&ドリル読解」で勉強しました。読解ができるようになるため試験の過去問題集を勉強して分からない時はその問題を理解するまで色々調べたりし

ました。聴解の勉強は日本語で話す機会が少なかったので YouTube からリスニング問題を探して勉強しました。おすすめの YouTube は「日本語の森」です。

Mình học chữ cái và từ vựng bằng cách sử dụng cuốn sách giáo khoa có tên là 「日本語総まとめ」。Sau khi đã ghi nhớ các từ, mình cũng luyện viết chúng. Tiền bối của mình nói với mình rằng những từ mình đang học ở N3 thường được sử dụng trong các bộ phim Nhật Bản cho nên chúng mình thường xem phim truyền hình Nhật Bản và nghe các bài hát tiếng Nhật hàng tuần. Mình đã học đọc hiểu bằng cách sử dụng cuốn 「新完全マスター読解 (Shinkanzen Master Dokkai)」 và 「ドリル&ドリル読解 (Drill&Drill Dokkai)」。Để đọc hiểu tốt hơn, mình nghiên cứu tuyển tập các câu hỏi thi trước đây và khi không hiểu, mình cố gắng nghĩ về câu hỏi theo nhiều cách khác nhau cho đến khi hiểu được. Khi học nghe hiểu, mình không có nhiều cơ hội nói chuyện bằng tiếng Nhật nên mình đã tìm kiếm các câu hỏi nghe hiểu trên YouTube và học theo. Kênh YouTube mình đề xuất cho các bạn là “Nihongo no Mori”.

日本の暮らしは少し寂しいですが騒音が嫌いな私には静かなので住みやすい国だと思います。また、職場で日本人と一緒に働いてあいさつと報連相の大切さが分かりました。日本人のマナー、仕事のやり方を身につけて活かせるように努力しております。日本にいる間に日本料理、和菓子を勉強して帰国後に日本食専門店を開くというのが将来の夢です。今は日本人の仕事仲間から和食、和菓子などを教えてもらっています。

Cuộc sống ở Nhật Bản tuy có hơi cô đơn, nhưng bản thân mình cũng không thích tiếng ồn, nên mình thấy Nhật Bản là một nơi dễ sinh sống. Ngoài ra, làm việc với người Nhật ở nơi làm việc khiến mình nhận ra tầm quan trọng của lời chào và quy tắc Hou-ren-sou. Mình đang nỗ lực học hỏi và áp dụng cách cư xử cũng như cách làm việc của người Nhật. Khi ở Nhật Bản, mình cũng học về ẩm thực Nhật Bản và đồ ngọt Nhật Bản, sau khi trở về nước, mình sẽ cố gắng hơn nữa để thực hiện ước mơ là mở một cửa hàng ẩm thực Nhật Bản. Hiện tại, mình đang được các đồng nghiệp người Nhật dạy về đồ ăn Nhật, đồ ngọt Nhật Bản, v.v..

日本に来てとても良かったと思います。なぜなら同じアジアでも日本人の気配り、文化の違い、生活の習慣を勉強することができたからです。

Mình cảm thấy rất vui vì đã đến Nhật Bản. Đó là bởi vì, ngay cả trong cùng một khu vực châu Á, mình đã được hiểu thêm về sự tận tâm của người Nhật, về khác biệt văn hóa, lối sống của người Nhật.

仕事をしながら勉強することは大変ですが、日本にいるからこそ勉強しやすい環境があるので、1年後には JLPT N1合格を目指しています。

Việc vừa học vừa làm rất khó khăn nhưng mình nhận thấy rằng vì mình đang sống ở Nhật Bản nên mình đang có môi trường vô cùng thuận lợi cho việc học tập trong tương lai nên mình đã đặt mục tiêu sẽ đậu JLPT N1.